

BỔ SUNG LOÀI *AGAPETES MALIPOENSIS* S. H. HUANG - THƯỢNG NỮ MALIPO (HỌ ĐỒ QUYÊN-ERICACEAE JUSS.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH HUONG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

NGUYỄN TIẾN HIỆP

Trung tâm Bảo tồn Thực vật

Chi Thượng nữ (*Agapetes* D. Don ex G. Don) thuộc họ Đỗ quyên (Ericaceae Juss.) gồm khoảng 95 loài phân bố từ vùng nhiệt đới châu Á tới vùng Tây Thái Bình Dương [6]. Ở Việt Nam, chi này có 6 loài chủ yếu phân bố ở vùng núi cao trên 1000 m so với mặt biển thuộc các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng và Lào Cai [1-3]. Năm 1999, Phạm Hoàng Hộ đã mô tả 5 loài có ở Việt Nam thuộc chi này. Theo Nguyễn Tiến Hiệp, 2003, ở Việt Nam có 5 loài là: *Agapetes bracteata* Hook.f. ex C. B. Clarke, *Agapetes cauliflora* Merr., *Agapetes hosseana* Diesl, *Agapetes mannii* Hemsl. và *Agapetes velutina* Guillaum. Trong quá trình nghiên cứu họ Đỗ quyên (Ericaceae Juss.) ở Việt Nam, chúng tôi phát hiện loài *Agapetes malipoensis* S. H. Huang lần đầu tiên được phát hiện ở Việt Nam. Đây là loài mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Mẫu vật

Các mẫu vật của chi *Agapetes* D. Don ex G. Don được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Trường đại học Khoa học tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội (HNU) và Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN).

2. Phương pháp

Chúng tôi áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại các mẫu vật đã được so sánh với các mẫu vật chuẩn của Trung Quốc, kết hợp với các tài liệu công bố gốc và một số tài liệu tra cứu chuẩn khác [4, 5, 7].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau đây là phần mô tả loài bổ sung này cho hệ thực vật Việt Nam.

***Agapetes malipoensis* S. H. Huang - Thượng nữ malipo**

S. H. Huang, 1983; Acta Bot. Yunn., 5(2): 148, fig.2; R. C. Fang, 1991. Fl. Reip. Pop. Sin., 57(3): 200; Z. Y. Wu & P. H. Raven (Edit.), 2005; Flora of China, 14: 515.

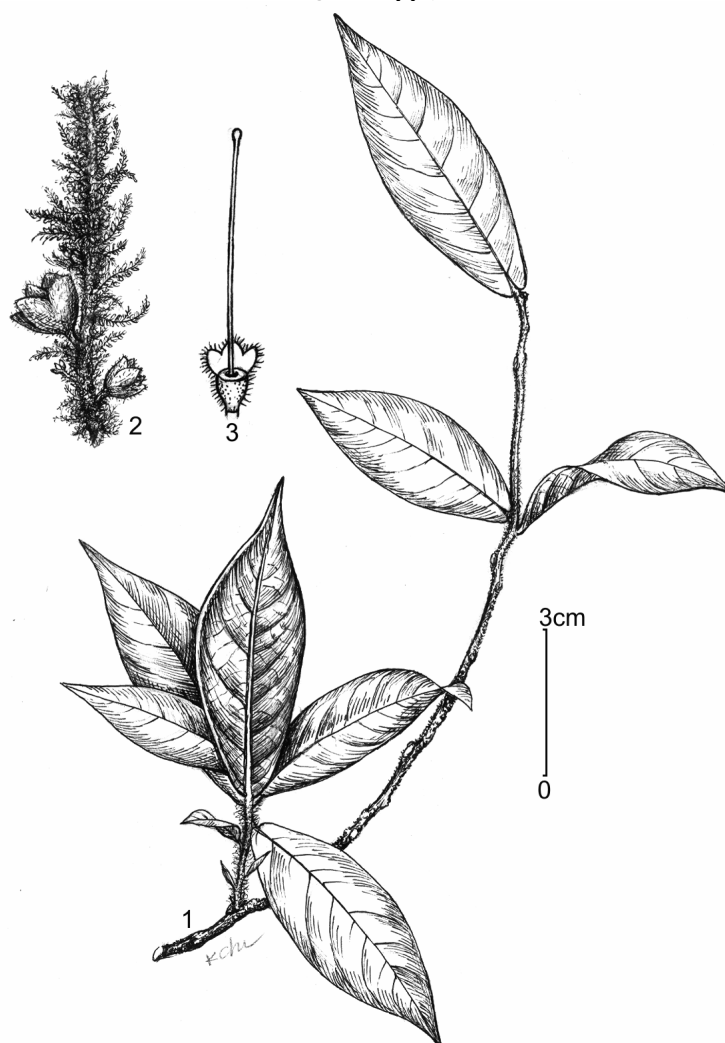
Cây bụi phụ sinh; rễ hình thoi, phình to; cành non hình trụ, có lông cứng nằm rạp màu nâu hoặc lông cứng có tuyến. Lá mọc vòng giả hoặc mọc đối, dai; cuống lá rất ngắn chỉ dài 1-3 mm; phiến lá hình elip hay thuôn, dài 6,5-11 cm, rộng 2,2-3,7 cm, chóp nhọn hoặc gần nhọn; gốc tròn-tù, mép nguyên; 2 mặt không lông, mặt trên có nếp hơi nổi. Cụm hoa mọc thành chùm ở nách lá có 3-4 hoa, cuống hoa dài 3-6 mm, đỉnh phình to, có đốt, không lông hoặc có lông cứng. Ống dài dài 1 mm, rộng 2 mm, thùy hình tam giác, dài 1,5 mm, phủ dày các lông có tuyến. Tràng hình ống, tròn, dài 2 cm, đường kính 4-5 mm, màu trắng, thùy ngắn, hình tam giác, dài 1mm, cong ra ngoài. Chỉ nhị dài 1,4 cm, dẹp, lưng có 1 đôi cựa dài 2 mm ở phía trên; vòi nhụy dài 2 cm, không có lông, đầu nhụy bằng. Quả mọng hình cầu, chín màu đỏ tía, có lông cứng, đường kính 4 mm.

Typus: China: Yunnan: Malipo, (Zhongzhai), 1800-2100m, 3/11/1947, K. M. Feng 12836 (KUN!).

Sinh học và sinh thái: Ra hoa vào các tháng 5-7; có quả vào các tháng 10-11. Mọc trên đường đỉnh núi đá vôi thuộc tỉnh Hà Giang, ở độ cao 1350-1450 m so với mặt biển, trong rừng

hỗn giao cây lá kim, có nhiều rêu với các loài ưu thế của lớp Thông như thiết sam bắc (*Tsuga*

chinensis) và nhiều loài lan hài (*Paphiopedilum* spp.).



***Agapetes malipoensis* S. H. Huang**

1. cành mang lá; 2. cụm hoa; 3. đài và bầu (hình vẽ theo mẫu CBL1794, HN; người vẽ L. K. Chi)

Phân bố: Lai Châu, Hà Giang (Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh), Cao Bằng và Lào Cai (Sa Pa). Còn có ở Trung Quốc (Vân Nam).

Mẫu nghiên cứu: Việt Nam: Lào Cai, Sa Pa, Vietnam-sino 276 (10-12-1964) (HN, KUN); Hà Giang, huyện Đồng Văn, xã Hồ Quảng Phìn, 23°16'N, 105°22'E, 1550-1600 m alt., P. K. Loc, Leonid Averyanov & P. H. Hoang CBL 1794 (28-04-1999) (HN, MO, LE); Lai Châu, huyện Tam Đường, xã Hồ Thầu, 22°23'N, 103°36'E, 1500-1900 m alt., Nguyen Tien Hiep, L. Averyanov & Pham Van The HAL 10191 (29-11-2006) (HN, MO, LE); Hà Giang, huyện Mèo Vạc, xã Sủng Chang,

23°11'N, 105°18'E, 1350-1400 m alt., P.K. Loc, Leonid Averyanov & P. H. Hoang CBL 1849 (29-04-2009) (HN, MO, LE); Hà Giang, huyện Yên Minh, xã Lao Và Chải, 23°07'N, 105°08'E, 1500-1600 m alt., P. K. Loc, Leonid Averyanov & P. H. Hoang CBL 1946 (1-05-2009) (HN, MO, LE). Trung Quốc: Yunnan, Ping Bien-Hsien, Bai sha po, alt. 1600 m, C. W. Wang 82415 (12-10-1939) (KUN); Malipo, Hwanggin-yin, 1100 m alt., C. W. Wang 86329 (21-01-1930) (KUN).

Nhận xét: Dựa vào các đặc điểm hình thái thì loài *Agapetes malipoensis* rất gần với loài *A. cauliflora* Merr. phân bố ở Bắc Việt Nam);

chỉ khác ở các đặc điểm: loài *A. malipoensis* lá to hơn, bề mặt có nếp nổi lên; tràng nhỏ hơn, dài 2 cm, mặt ngoài có lông tuyến; nửa trên chỉ nhị có lông dài, phía dưới không lông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Hiệp**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 2: 446-449. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Nguyen Tien Hiep, Pham Hoang Ho**, 1996: Fam. Ericaceae Juss. In Vascular plants synopsis of Vietnamese flora. St. Petersburg.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999: Cây cỏ Việt Nam, 1: 609-629. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
4. **Huang S. H.**, 1983: Acta Bot. Yunn., 5(2): 148.
5. **Fang R. C.**, 1991: Fl. Reip. Pop. Sin., 57 (3): 200. Science Press, Beijing.
6. **Mabberley D. J.**, 1997: The Plant-Book: 16. Cambridge University Press.
7. **Wu Z. Y. & P. R. Raven** (Edit.), 2005: Flora of China, 14: 515. Science Press, Beijing.

***AGAPETES MALIPOENSIS* S. H. HUANG (ERICACEAE JUSS.), A NEW SPECIES FOR THE FLORA OF VIETNAM**

NGUYEN THI THANH HUONG, NGUYEN TIEN HIEP

SUMMARY

In the world, the genus *Agapetes* D. Don ex G. Don (Ericaceae Juss.) had about 95 species, throughout the trop. Asia to Western Pacific. At present, 5 native *Agapetes* species were collected in Vietnam. During the time to study specimen on this genus in Hanoi herbarium, we found one new species *Agapetes malipoensis* S.H. Huang. It was a new record for the flora of Vietnam. Thus there are 6 species belonging to the genus *Agapetes* D. Don recorded for the flora of Vietnam.

It has some especial characters as epiphyte shrubs; rootstock spindle-shaped; twigs cylindrical, densely brown spreading glandular setose. Leaves pseudovercillate or opposite; petiole 1-3 mm; leaf blade elliptic or oblong-lanceolate 6.5-11 × 2.2-3.7 cm, margin plane, entire. Inflorescences fasciculate in axil of leaves, usually 3-4 flowered; pedicel 3-6 mm, densely glandular setose or galbrous. Corolla white, tubular, 2cm. Filaments 1.4 cm; with a pair of spurs on the top, ca 2 mm. Berry globose, ripe purple-red, 4 mm in diam, setose.

This species has been discovered from the Lai Chau, Cao Bang, Ha Giang and Lao Cai provinces, adjacent with the local type in the Yunnan province, China. Its specimens were deposited in the Herbarium of the Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi, Vietnam (HN).

Ngày nhận bài: 22-12-2009